| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN CẦU GIẤY THÀNH PHỐ HÀ NỘI** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** |
| ---------- | **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| | ---------- |

Bản án số: **64**/2023/KDTM-ST
Ngày: 21/12/2023
*V/v: Tranh chấp Hợp đồng thi công*

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN CẦU GIẤY, THÀNH PHỐ HÀ NỘI
***Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà:* Ông **Nguyễn Văn Lương**

*Các Hội thẩm nhân dân:*Bà **Đỗ Hảo Hoàn**

Bà **Bùi Thị Minh Hoa**

*Thư ký ghi biên bản phiên tòa:* Bà **Nguyễn Thị Thanh** - Thư ký Tòa án.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Cầu Giấy:* Không tham gia phiên tòa.

Ngày 21 tháng 12 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Cầu Giấy xét xử sơ thẩm vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 103/2023/TLST-KDTM ngày 02 tháng 11 năm 2023 về việc Tranh chấp Hợp đồng thi công theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 232/2023/QĐXXST-DS ngày 06/12/2023 giữa:

***Nguyên đơn*: Công ty cổ phần C3**

Trụ sở: 65Đ ngõ B, tổ D, phường Y, quận C, Thành phố Hà Nội.

Đại diện theo pháp luật: Bà **Lương Thu H** – Tổng giám đốc; Đại diện theo uỷ quyền: Bà **Trần Thị Ngọc C**. Theo giấy uỷ quyền ngày 19/05/2023; Ông **Ngô Trung C1**. Theo Giấy ủy quyền ngày 20/12/2023 ( ông C1có mặt).

***Bị đơn*: Công ty cổ phần T**

Trụ sở: Tầng B Tòa nhà B, số B, phường D, quận C, Thành phố Hà Nội; Đại diện theo pháp luật: Ông **Lê Tiến D** – Tổng Giám đốc; Đại diện theo uỷ quyền: Ông **Trần Văn H1**. Theo Giấy ủy quyền số 263/GUQ-TGD ngày 13/11/2023 ( ông H1có mặt)

## NHẬN THẤY

Ngày 12/05/2023, Công ty cổ phần C4 nộp đơn khởi kiện Công ty cổ phần T và yêu cầu Công ty cổ phần T1 công nợ cho Công ty cổ phần C5 tiền theo Hợp đồng thi công số 07/2016/HĐTC/BĐ/FLC-POOLTEK ký ngày 10/01/2016 là 423.577.831 đồng và lãi suất chậm trả theo quy định của hợp đồng: 423.577.831 đồng x 8% = 33.886.226 đồng.

***Theo đơn khởi kiện và lời khai tại Toà án, đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn - bà Trần Thị Ngọc C trình bày:*** Ngày 10/01/2016, Công ty cổ phần C4(trong bản án viết

tắt là Công ty C6 ông Ngô Trung C1(là người đại diện theo pháp luật tại thời điểm đó) đã ký kết với Công ty cổ phần T( trong bản án viết tắt là Công ty T2 bà Hương Trần Kiều D1– Tổng Giám đốc (là người đại diện theo pháp luật) ký kết Hợp đồng thi công số 07/2016/HĐTC/BĐ/FLC-POOLTEK gói thầu cung cấp vật tư, thi công và lắp đặt thiết bị hồ bơi, bể sục và xông hơi công trình 20 căn biệt thự 2, 3, 5 phòng ngủ và nhà C2thuộc dự án Quần thể sân Golf, RBiệt thự nghỉ dưỡng và giải trí cao cấp F

Thực hiện hợp đồng, Công ty cổ phần C7 và bàn giao toàn bộ công trình cho Công ty cổ phần T3 công trình này đã được Công ty cổ phần T4 vào sử dụng, khai thác có hiệu quả. Tuy nhiên, từ tháng 05/2019 đến nay, Công ty cổ phần T5 thanh toán đầy đủ cho Công ty cổ phần C7 quá hạn được quy định trong hợp đồng, cụ thể: Giá trị quyết toán còn lại tại Hợp đồng thi công số 07/2016/HĐTC/BĐ/FLC-POOLTEK ký ngày 10/01/2016 là: 423.577.831 đồng.

Chúng tôi nhận thấy Công ty cổ phần T6 trốn tránh nghĩa vụ thanh toán công nợ cho chúng tôi. Vì vậy, chúng tôi đề nghị Tòa án nhân dân quận Cầu Giấy buộc Công ty cổ phần T

1/ Thanh toán công nợ cho Công ty cổ phần C5 tiền: 423.577.831 đồng (Bốn trăm hai mươi ba triệu năm trăm bảy mươi bảy nghìn tám trăm ba mươi mốt đồng).

2/ Lãi suất chậm trả theo quy định của hợp đồng: 423.577.831 đồng x 8% = 33.886.226 đồng.

Ngoài ra, chúng tôi không còn ý kiến trình bày khác.

***Đại diện theo ủy quyền của bị đơn – ông Trần Văn H2 bày:***

Ngày 10/01/2016, Công ty cổ phần T7 kết hợp đồng thi công số 07/2016/HĐTC/BĐ/FLC-POOLTEK gói thầu cung cấp vật tư, thi công và lắp đặt thiết bị hồ bơi, bể sục và xông hơi công trình 20 căn Biệt thự 2, 3 & 5 phòng ngủ và nhà C2thuộc dự án F1

Ngày 31/05/2019, Công ty cổ phần C7 đệ trình Hồ sơ giá trị quyết toán bao gồm Biên bản thanh lý Hợp đồng số 07/BBTLHĐ/PT ngày 09/05/2019. Đề nghị thanh toán và các giấy tờ khác có liên quan. Sau đó, Tập đoàn T8 thực hiện việc thanh toán cụ thể như sau:

- Tổng giá trị quyết toán: 4.676.378.874 VNĐ

- Tập đoàn T8 tạm ứng, thanh toán: 4.026.797.597 VNĐ

- Tập đoàn thanh toán ngày 07/12/2021 (Thể hiện tại giấy báo của Ngân hàng B: 226.003.446 VNĐ

Số tiền Tập đoàn T9 phải thanh toán: 423.577.831 VNĐ

Ngày 08/12/2022, Công ty cổ phần T10 ký với Công ty cổ phần C8 chiếu Thanh toán ghi nhận công nợ của hợp đồng số 07/2016/HĐTC/BĐ/FLC-POOLTEK là 423.577.831 VNĐ.

Đối với yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn, tôi có ý kiến như sau:

- Với yêu cầu thanh toán công nợ với số tiền 423.577.831 VNĐ: Trong năm 2022, khi Công ty bắt đầu trở lại quỹ đạo hoạt động thì phải chịu ảnh hưởng trực tiếp của sự kiện ngày 29/3/2022 (sự việc liên quan đến các nguyên Lãnh đạo cao cấp của Tập đoàn T11 khởi tố, tạm giam để phục vụ công tác điều tra). Khó khăn chồng chất khi thời điểm cuối tháng 03/2022, các ngân hàng đồng loạt dừng việc giải ngân các khoản vay đã được phê duyệt và dừng cấp mới các hạn mức/khoản vay cho Công ty, các hoạt động đầu tư, kinh doanh bị đình trệ, Công ty buộc phải cắt giảm nhân sự, thực hiện các chính sách điều chỉnh về lương, chế độ để tiết kiệm chi phí. Những tác động trên đã dẫn đến sự chậm trễ trong việc thanh toán số tiền còn lại của Hợp đồng.

- Với yêu cầu thanh toán lãi chậm trả: Đề nghị Công ty C4 làm rõ cách thức tính lãi, căn cứ tính lãi, số ngày tính lãi và các căn cứ xác định lãi suất.

Trên đây là toàn bộ nội dung tự khai của Công ty Cổ phần T12 cam đoan các nội dung đã trình bày là hoàn toàn đúng sự thật.

## TẠI PHIÊN TÒA

Đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn bà Trần Thị Ngọc C2 giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị Tòa án buộc Công ty cổ phần T1 cho Công ty C4 số tiền theo Hợp đồng thi công số 07/2016/HĐTC/BĐ/FLC-POOLTEK ký ngày 10/01/2016 là 423.577.831 đồng (Bốn trăm hai mươi ba triệu năm trăm bảy mươi bảy nghìn tám trăm ba mươi mốt đồng) và lãi suất chậm trả theo quy định của hợp đồng: 423.577.831 đồng x 8% = 33.886.226 đồng. Đề nghị Tòa án căn cứ vào tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ để giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Trần Văn H1 vẫn giữ nguyên ý kiến như đã trình bày và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét việc làm rõ cách thức tính lãi, căn cứ tính lãi, số ngày tính lãi và các căn cứ xác định lãi suất như Công ty C4 yêu cầu.

## PHẦN TRANH LUẬN TẠI PHIÊN TÒA

***Tại phiên tòa các đương sự không tranh luận gì thêm***

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân không tham gia phiên tòa nên không có ý kiến phát biểu:***

## NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

**[1] Về tố tụng:**

1.1. Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc Tranh chấp thanh toán nợ trong Hợp đồng giữa các bên có đăng ký kinh doanh là tranh

chấp về kinh doanh thương mại thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án theo khoản 1 điều 30 Bộ luật tố tụng dân sự.

1.2. Về thẩm quyền giải quyết của Toà án: Bị đơn là Công ty cổ phần T có trụ sở theo đăng ký kinh doanh tại Tầng B Tòa nhà B, số B, phường D, quận C, Thành phố Hà Nội. Vì vậy khi Công ty cổ phần C4 khởi kiện, Tòa án nhân dân quận Cầu Giấy thụ lý yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn để giải quyết là phù hợp với quy định điểm b khoản 1 điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

**[2] Về nội dung vụ án:**

2.1. Căn cứ Hợp đồng thi công số 07/2016/HĐTC/BĐ/FLC-POOLTEK và các phụ lục kèm theo, biên bản thanh lý hợp đồng, lời khai của nguyên đơn và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thì đủ cơ sở để xác định:

Ngày 10/01/2016, Công ty cổ phần C7 ký kết với Công ty cổ phần THợp đồng thi công số 07/2016/HĐTC/BĐ/FLC-POOLTEK. Theo nội dung hợp đồng thi công, Công ty cổ phần T13 và Công ty cổ phần C4 nhận thực hiện công việc: Cung cấp vật tư, thi công và lắp đặt thiết bị hồ bơi, bể sục và xông hơi công trình 20 căn biệt thự 2, 3, 5 phòng ngủ và nhà C2thuộc dự án Quần thể sân Golf, RBiệt thự nghỉ dưỡng và giải trí cao cấp F Giá trị hợp đồng là 4.676.378.874 đồng.

Xét thấy hợp đồng được ký kết giữa các bên có đăng ký kinh doanh, nội dung thỏa thuận về lĩnh vực xây dựng công trình nên thuộc phạm vi điều chỉnh của Luật Xây dựng năm 2014. Hình thức, nội dung của Hợp đồng phù hợp với quy định tại Điều 138, Điều 141 Luật Xây dựng nên có giá trị pháp lý làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên.

Việc hai bên ký Hợp đồng thi công số 07/2016/HĐTC/BĐ/FLC-POOLTEK là hoàn toàn tự nguyện. Khi ký kết các bên có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, hợp đồng không trái đạo đức và quy định của pháp luật nên Hợp đồng thi công số 07 có giá trị và các bên cùng có nghĩa vụ thực hiện.

2.2. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận thấy:

- Đối với nợ gốc: Quá trình giải quyết vụ án, Công ty cổ phần C4 yêu cầu Công ty cổ phần T thanh toán số tiền nợ gốc là 423.577.831 đồng.

Căn cứ tài liệu chứng cứ trong quá trình giải quyết vụ án và lời khai của nguyên đơn, đã được bị đơn xác nhận Công ty cổ phần T còn nợ Công ty cổ phần C4 số tiền gốc là 423.577.831 đồng. Nay Công ty C3 yêu cầu Công ty Cổ phần T1 số tiền nợ gốc như trên là có căn cứ và phù hợp các điều 50, 55 Luật Thương mại. Vì vậy buộc Công ty cổ phần T trả Công ty cổ phần C4 nợ gốc là 423.577.831 đồng.

- Đối với yêu cầu của nguyên đơn đòi bị đơn thanh toán số tiền lãi 33.886.226 đồng là khoản tiền lãi chậm thanh toán:

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn yêu cầu Tòa án xem xét yêu cầu của nguyên đơn về số lãi mà nguyên đơn yêu cầu, Tòa án xét thấy:

Tại Điều 20.6 Hợp đồng 07 quy định về việc phạt vi phạm hợp đồng được các bên thỏa thuận như sau: "*Nếu Bên A thanh toán chậm cho Bên B thì Bên A sẽ phải trả lãi cho những ngày chậm thanh toán theo lãi suất quá hạn do Ngân hàng N bố tại thời điểm thanh toán đối với số tiền chậm thanh toán. Tổng số tiền lãi không vượt quá 8% (tám phần trăm)* ***tổng số tiền chậm thanh toán***".

Như vậy hai bên đã thống nhất mức phạt vi phạm hợp đồng tối đa là 8% giá trị vi phạm và được áp dụng cách tính theo cách tính lãi suất tiền gửi tiết kiệm đồng Việt Nam, theo mức lãi suất chậm trả mà nguyên đơn yêu cầu thấp hơn mức lãi suất nợ quá hạn trung bình theo quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật.

Vì những phân tích trên Tòa án xét thấy yêu cầu của bị đơn đề nghị Tòa xem xét số tiền lãi là không có căn cứ chấp nhận.

Tại phiên tòa Công ty C3yêu cầu buộc Công ty cổ phần T có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty cổ phần C4 số tiền lãi chậm thanh toán là 33.886.226 đồng là có căn cứ chấp nhận.

Do đó, buộc Công ty cổ phần T có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty cổ phần C4 số tiền lãi chậm thanh toán là 33.886.226 đồng.

Từ những nhận định trên, có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc Công ty cổ phần T phải thanh toán khoản tiền 423.577.831 đồng nợ gốc và 33.886.226 đồng tiền lãi chậm thanh toán.

Tổng cộng: 423.577.831 đồng + 33.886.226 đồng = 457.464.057 đồng

**[3] Về án phí và quyền kháng cáo:** Nguyên đơn không phải chịu án phí KDTM sơ thẩm. Bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật

***Vì các lẽ trên!***

## QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào Điều 50, Điều 55 Luật Thương mại;

- Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, nộp án phí và lệ phí Tòa án.

**Xử:**

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty cổ phần C4 đối với Công ty cổ phần T về việc "Tranh chấp hợp đồng thi công".

2. Buộc Công ty cổ phần T thanh toán cho Công ty cổ phần C4 toàn bộ các khoản nợ gốc, lãi theo Hợp đồng thi công số 07/2016/HĐTC và các phụ lục kèm theo được ký kết giữa hai bên là: 457.464.057 đồng (Trong đó, số tiền nợ gốc là 423.577.831 đồng, tiền lãi chậm thanh toán là 33.886.226 đồng).

Kể từ ngày án có hiệu lực pháp luật, bên được thi hành án có đơn yêu cầu, bên phải thi hành án phải chịu lãi suất đối với số tiền chưa thanh toán theo lãi suất cơ bản do Ngân hàng N1 định cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

*Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và điều 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

3. Về án phí: Công ty cổ phần T nộp án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 22.298.500 đồng. Công ty cổ phần C4 không phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm. Hoàn trả Công ty cổ phần C4 số tiền 11.000.000 đồng tạm ứng lệ phí theo biên lai thu số 0000115 ngày 01/11/2023 của Chi cục thi hành án dân sự quận Cầu Giấy.

4. Về quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm có mặt đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, đại diện theo ủy quyền của bị đơn, họ có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận:***
- Các đương sự;
- VKSND quận Cầu Giấy;
- TAND thành phố Hà Nội;
- Chi cục THADS quận Cầu Giấy;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

**Nguyễn Văn Lương**